TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2023
V/v: "Ly hôn giữa chị T và anh T1"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Văn Hinh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 235/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Doãn Phương T, sinh năm 1996(Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1- sinh năm 1990(Vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm 5, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 năm 2022 được bổ sung tại bản tự khai ngày 20/12/2022 nguyên đơn chị Doãn Phương T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau vào ngày 02/8/20213, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống mâu thuẫn về sinh hoạt, anh T1 không tu chí làm ăn. Dù hai bên đã cố gắng giải quyết nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng có tiếp tục chung sống cũng không có tương lai nên đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giữa chị và anh Nguyễn Văn T1 có 1 con chung là Nguyễn Quỳnh Asinh ngày 31/01/2015 hiện đang ở cùng anh T1. Khi ly hôn, chị T nhường quyền nuôi con cho anh T1, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh và chị Doãn Phương T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 02/8/2013. Sau khi kết hôn giữa 2 vợ chồng không có tiếng nói chung, chị T bỏ nhà đi từ năm 2018. Anh đã nhiều lần gọi chị T về nhưng chị T đều không về. Theo anh tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn nên chị T xin ly hôn anh nhất trí..

Về con chung: Giữa anh và chị Doãn Phương T có 1 con chung là Nguyễn Quỳnh Asinh ngày 31/01/2015 hiện đang ở cùng anh. Khi ly hôn, anh mong muốn tiếp tục nuôi cháu Anh, chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1.Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm.

2.Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 51, 56, 81,82,83, 116,117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Doãn Phương T; Xử cho ly hôn giữa chị Doãn Phương T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T1 tiếp tục trực tiếp nuôi con Nguyễn Quỳnh Asinh ngày 31/01/2015. Chị Doãn Phương T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng kể từ tháng 2 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Doãn Phương T, anh Nguyễn Văn T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Doãn Phương T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 02 tháng 8 năm 2013; vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa chị T và anh T1 nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ tháng 11 năm 2018 chị T và anh T1 ly thân. Chị T xác định vợ chồng không có tương lai nên muốn ly hôn, anh T1 nhất trí ly hôn..

[4] Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Doãn Phương T và anh Nguyễn Văn T1 với những mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn T1 của chị Doãn Phương T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Giữa chị Doãn Phương T và anh Nguyễn Văn T1 có 1 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Asính ngày 31/01/2015 hiện đang ở cùng với anh T1. Cháu Nguyễn Quỳnh Acó đơn xin được ở cùng anh T1 nếu bố mẹ ly hôn. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của đương sự, đơn đề nghị của cháu Quỳnh Acũng như điều kiện hoàn cảnh của con chung Hội đồng xét xử thấy: để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung, giao con chung cho anh T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; chị Doãn Phương T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 mỗi tháng 1.800.000 đồng kể từ tháng 2 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Doãn Phương T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1.*Về hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Doãn Phương T và anh Nguyễn Văn T1.

2. *Về con chung chưa thành niên:* giao con chung Nguyễn Quỳnh Asinh ngày 31/01/2015 cho anh Nguyễn Văn T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Doãn Phương T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 mỗi tháng

1.800.000 đồng kể từ tháng 2 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Doãn Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 0004836 ngày 20 tháng 12 năm 2022. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng.

3.*Về quyền kháng cáo:* Chị Doãn Phương T và anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Xuân Thọ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện N;
- UBND xã Đ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.